TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 65/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 02- 10 - 2020
V/v: " Tranh chấp ly hôn ".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt;

2. Bà Huỳnh Phương Lan.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Trần Thị Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2020/QĐXX-ST ngày 16 háng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị S, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp H B, xã Th Q, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Sửu có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Danh Q, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp T H, xã G T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Q vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị S trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2009, chị Sửu và anh Danh Q quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ti Q, huyện Gò Q, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/02/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, anh Q đã bỏ về nhà cha mẹ ruột anh Q sống tại ấp Tân Hưng, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh kiên Giang sống và ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Sửu yêu cầu được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị S và anh Q có 01 con chung tên Danh Hoàng Lực, sinh ngày 18/11/2019, hiện nay chị S đang nuôi dưỡng. Chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Lực, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Danh Q đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Q đều không có mặt.

Tại phiên tòa chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q. Anh Q vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với chị Sửu: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là anh Q: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, anh Q tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng*:* Nguyên đơn chị S khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Danh Q có hộ khẩu thường trú ấp T H, xã G T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Anh Danh Q không có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị S, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị S trình chị và anh Q chung sống với nhau vào năm 2009 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân tại xã Th Q, huyện Gò Q, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/02/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá vợ chồng chị Sửu và anh Q không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của chị S tại Toà án và qua xác minh của chính quyền địa phương thấy chị Sửu và anh Q có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, hay cải vạ, nên anh Q đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp T H, xã G T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Mặt khác, chị S và anh Q đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay mà tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Toà án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để

ổn định cuộc sống. Tại phiên toà hôm nay HĐXX cũng tiếp tục động viên chị Sửu đoàn tụ trở lại với anh Q nhưng chị Sửu vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh Q. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sửu, xử cho chị Sửu được ly hôn anh Q là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị S xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên tên Danh Hoàng Lực, sinh ngày 18/11/2009 hiện nay đang sống cùng chị S, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay con sống chung với chị Sửu. Tại phiên tòa hôm nay chị Sửu yêu cầu được tiếp tục chăm sóc , nuôi dưỡng con chung. HĐXX nhận định từ khi chị S và anh Q sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay con đều do chị S chăm sóc nuôi dưỡng, do đó căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của đương sự, cần tiếp tục giao con cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của con, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị Sửu về quyền yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi các con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng chị S xác định không yêu cầu anh Sửu cấp dưỡng nuôi con và việc chị S không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặc của con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh Q đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị Sửu và anh Q được. Hơn nữa tại phiên toà chị S xác nhận vợ chồng chị không tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Chị S cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị S và anh Danh Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên Danh Hoàng Lực, sinh ngày 18/11/2009 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp theo nguyên vọng của con). Chị S không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Danh Q có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị S phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002361 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị S không phải nộp thêm.

" Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự s ửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành á n dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự s ửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 ".

6. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Danh Q vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*